

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *01* /2023/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 22 tháng 3 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hà Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 11 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số: 20/TTr-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc ban hành nghị quyết của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Báo cáo thẩm tra số 05/BC-VHXXH ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Ban Văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

1. Sửa đổi, bổ sung tên của Nghị quyết như sau:

“Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hà Giang”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

“Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hà Giang”

Điều 2: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Hà Giang ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

1. Sửa đổi, bổ sung tên Quy định như sau:

“Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hà Giang”.

2. Sửa đổi Điều 1 như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hà Giang (sau đây gọi tắt là Chương trình)”

3. Sửa đổi Khoản 1 Điều 5 như sau:

“1. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo

a) Phân bổ 100% vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án 1 cho các huyện nghèo; Phân bổ 100% vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án 2 cho 02 huyện nghèo (Quản Bạ và Bắc Mê) thuộc Quyết định 880/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Tiêu chí phân bổ vốn: 04 tiêu chí, gồm:

Quy mô dân số của huyện nghèo (áp dụng chung cho Tiểu dự án 1 và Tiểu dự án 2)	Hệ số
Từ 10.000 hộ đến dưới 15.000 hộ	0,17
Từ 15.000 hộ trở lên	0,2
Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện nghèo (áp dụng chung cho Tiểu dự án 1 và Tiểu dự án 2)	Hệ số
Dưới 45%	0,3

Từ 45% đến dưới 65%	0,4
Từ 65% trở lên	0,5
Đặc điểm địa lý của huyện nghèo	Hệ số
Áp dụng cho Tiểu dự án 1:	
Mỗi xã biên giới thuộc huyện nghèo	0,029
Mỗi xã còn lại thuộc huyện nghèo	0,0013
Áp dụng cho Tiểu dự án 2:	
Huyện có xã biên giới	0,14
Huyện thuộc khu vực miền núi, vùng cao	0,12
Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện nghèo (áp dụng chung cho Tiểu dự án 1 và Tiểu dự án 2)	Hệ số
Từ 10 đến dưới 20 xã	0,12
Từ 20 xã trở lên	0,14

c) Định mức phân bổ (áp dụng chung cho Tiểu dự án 1 và Tiểu dự án 2)

- Đối với vốn đầu tư phát triển: Tổng vốn hỗ trợ đầu tư phát triển phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$A_i = Q \cdot X_i$$

Trong đó:

A_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số hệ số tiêu chí Quy mô dân số của huyện nghèo, Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện nghèo, Đặc điểm địa lý của huyện nghèo, Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện nghèo của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

G là tổng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện nghèo trên địa bàn tỉnh để thực hiện Tiểu dự án 1, Tiểu dự án 2.

- Đối với kinh phí sự nghiệp duy tu bảo dưỡng: Bằng 10% vốn đầu tư phát triển của ngân sách trung ương theo kế hoạch vốn đầu tư phát triển trung hạn của từng địa phương cho Tiểu dự án 1, Tiểu dự án 2.”

4. Sửa đổi điểm c khoản 4 Điều 5 như sau:

“c) Tiêu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

- Đối với vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương: Phân bổ 100% cho các sở, ngành cấp tỉnh.

- Đối với vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương: Phân bổ tối đa 30% cho các sở, ngành cấp tỉnh; tối thiểu 70% cho các huyện, thành phố.

- Tiêu chí phân bổ vốn: 03 tiêu chí, gồm:

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	Hệ số
Dưới 15%	0,01
Từ 15% đến dưới 25%	0,02
Từ 25% đến dưới 35%	0,03
Từ 35% đến dưới 45%	0,04
Từ 45% đến dưới 55%	0,05
Từ 55% đến dưới 65%	0,06
Từ 65% đến dưới 75%	0,08
Từ 75% trở lên	0,09
Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	Hệ số
Dưới 2.000 hộ	0,03
Từ 2.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,04
Từ 4.000 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,05
Từ 6.000 hộ đến dưới 8.000 hộ	0,06
Từ 8.000 hộ đến dưới 10.000 hộ	0,07
Từ 10.000 hộ đến dưới 12.000 hộ	0,08
Từ 12.000 hộ trở lên	0,09
Số lượng lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn huyện, thành phố	Hệ số
Dưới 40.000 người	0,1
Từ 40.000 người đến dưới 60.000 người	0,12
Từ 60.000 người trở lên	0,14

- Định mức phân bổ

Vốn hỗ trợ phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$A_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

A_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$= \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các địa phương để thực hiện Tiểu Dự án 3 thuộc Dự án 4 (Sau khi trừ số vốn phân bổ cho các sở, ngành).

X_i là tổng số hệ số tiêu chí Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố và tiêu chí Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố của huyện thứ i .

Y_i là hệ số tiêu chí Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn huyện, thành phố của huyện thứ i .

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 5 như sau:

“7. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

a) Tiểu dự án 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình:

Phân bổ tối đa 60% tổng mức vốn ngân sách trung ương phân bổ hàng năm của Dự án 7 cho Tiểu dự án 1. Trong đó:

- Phân bổ cho Ban chỉ đạo cấp tỉnh tối đa 30% tổng mức vốn ngân sách trung ương phân bổ hàng năm của Tiểu dự án 1.

- Phân bổ cho Ban chỉ đạo cấp huyện, thành phố tối thiểu 70% tổng mức vốn ngân sách trung ương phân bổ hàng năm của Tiểu dự án 1.

b) Tiểu dự án 2. Giám sát, đánh giá

Phân bổ tối thiểu 40% tổng mức vốn ngân sách trung ương phân bổ hàng năm của Dự án 7 cho Tiểu dự án 2. Trong đó:

- Phân bổ cho Ban chỉ đạo cấp tỉnh tối đa 25% tổng mức vốn ngân sách trung ương phân bổ hàng năm của Tiểu dự án 2.

- Phân bổ cho Ban chỉ đạo cấp huyện, thành phố tối thiểu 75% tổng mức vốn ngân sách trung ương phân bổ hàng năm của Tiểu dự án 2.

c) Tiêu chí, định mức phân bổ vốn (áp dụng cho cả Tiểu dự án 1 và Tiểu dự án 2) như sau:

- Tiêu chí phân bổ vốn:

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	Hệ số
Dưới 15%	0,01
Từ 15% đến dưới 25%	0,02
Từ 25% đến dưới 35%	0,03

Từ 35% đến dưới 45%	0,04
Từ 45% đến dưới 55%	0,05
Từ 55% đến dưới 65%	0,06
Từ 65% đến dưới 75%	0,08
Từ 75% trở lên	0,09
Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	Hệ số
Dưới 2.000 hộ	0,03
Từ 2.000 đến dưới 4.000 hộ	0,04
Từ 4.000 đến dưới 6.000 hộ	0,05
Từ 6.000 đến dưới 8.000 hộ	0,06
Từ 8.000 đến dưới 10.000 hộ	0,07
Từ 10.000 đến dưới 12.000 hộ	0,08
Từ 12.000 hộ trở lên	0,09
Địa bàn khó khăn	Hệ số
Mỗi xã thuộc huyện nghèo	0,0068
Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố	Hệ số
Dưới 10 xã	0,1
Từ 10 đến dưới 20 xã	0,13
Từ 20 xã trở lên	0,16

- Định mức phân bổ: Vốn hỗ trợ phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức: $A_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$

Trong đó:

A_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các địa phương để thực hiện Tiểu dự án 1/Tiểu dự án 2 của Dự án 7 (Sau khi trừ số vốn phân bổ cho Ban chỉ đạo cấp tỉnh).

$$= \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i Y_i}$$

X_i là tổng số hệ số tiêu chí Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố và Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố của huyện thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí địa bàn khó khăn và số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố của huyện thứ i ."

6. Thay thế cụm từ "vốn ngân sách nhà nước" bằng cụm từ "vốn ngân sách trung ương" tại Điều 5.

7. Bổ sung Điều 5a vào sau Điều 5 như sau:

“Điều 5a. Mức vốn đối ứng của ngân sách địa phương

Mức vốn ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu 3% tổng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho tỉnh. Việc phân bổ vốn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện Chương trình hằng năm giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành và điều kiện thực tiễn trên địa bàn tỉnh.”

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XVIII, Kỳ họp thứ 11 (chuyên đề) thông qua ngày 22 tháng 3 năm 2023, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Lao động Thương binh và xã hội, Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính;+
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTr Tỉnh ủy; HĐND; UBND tỉnh; UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh khóa XV tỉnh Hà Giang;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XVIII;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- TTr. HĐND-UBND huyện, thành phố;
- Báo Hà Giang; Đài PTTH tỉnh;
- TT Thông tin - Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Vnptioffice;
- Lưu: VT; HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH



Thảo Hồng Sơn